HTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2024/DS - ST
Ngày: 26-8-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên

Từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Trần Đình V**, sinh năm 1957 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

** Bị đơn:*
- Ông **Thạch P**, sinh năm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
- Bà **Lê Thị Kim E**, sinh năm 1971 (Tên gọi trước đây: **Lê Thị L**, sinh năm 1968) – Có mặt
Nơi thường trú: khóm An Bình, xã Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
Chỗ ở hiện nay: ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trần Đình V trình bày:*** Ngày

20/7/2016, ông có cho vợ chồng bà Lê Thị L (nay thì ông mới biết tên theo căn cước công dân là Lê Thị Kim E, sinh năm 1971) và ông Thạch P vay số tiền 110.000.000 đồng. Khi cho vay có viết "Giấy biên nhận vay tiền" và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Lộc Phú. Thỏa thuận thời hạn trả là 12 tháng, mức lãi suất là 2%/tháng. Từ khi vay cho đến nay, ông chỉ nhận được 03 tháng đầu tiền lãi với số tiền là 6.000.000 đồng. Vì vậy, nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Kim E và ông Thạch P trả số tiền gốc đã vay là 110.000.000 đồng và trả tiền lãi tính từ ngày 20/7/2016 cho đến nay (Làm tròn là 08 năm 01 tháng), với mức lãi suất 1,41%/tháng, thành tiền và làm tròn (sau khi trừ số tiền lãi đã nhận 6.000.000 đồng) là 140.000.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 250.000.000 đồng

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – ông Thạch P và bà Lê Thị Kim E thống nhất trình bày:***

Ông bà là vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà có vay tiền của ông Vân vào ngày 20/7/2016. Số tiền vay là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất, cụ thể: Cứ một triệu đồng tiền vay thì mỗi tháng ông bà trả 25.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi ông Vân thu trước là 18.000.000 đồng (Khi thu số tiền lãi này không có làm giấy tờ gì do ông Vân không chịu, tuy nhiên khi về nhà, ông bà có nói cho chị hàng xóm tên Lê Thị Thúy nghe vấn đề này). Số tiền lãi 18.000.000 mà ông Vân thu đã được ông Vân trừ vào tiền gốc ông Vân cho vay. Vì vậy, số tiền gốc mà ông nhận được là 92.000.000 đồng. Chữ ký và viết họ tên trong giấy biên nhận vay tiền (phần những người vay tiền là của ông bà. Từ khi vay cho đến nay, ông bà chưa trả được khoản tiền gốc và trả thêm tiền lãi nào (ngoại trừ số tiền 18.000.000 đồng mà ông Vân lấy tiền lãi trước).

Nay ông bà đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà xin trả hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng.

Khi vay tiền của ông Trần Đình V, ông bà có đưa cho ông Vân bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00081, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Thạch P. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án buộc ông Trần Đình V trả lại bản gốc giấy chứng nhận này

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Buộc ông Thạch P và bà Lê Thị Kim E (Lê Thị L) liên đới trả cho ông Trần Đình V tổng số tiền 183.702.452 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ pháp luật trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1.1] Đối với yêu cầu trả số tiền đã cho vay (số tiền gốc) 110.000.000 đồng:

Căn cứ giấy có tiêu đề "Giấy biên nhận vay tiền" đề ngày 20/7/2016 và lời trình bày của phía bị đơn, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 20/7/2016, ông Trần Đình V có cho ông Thạch P và bà Lê Thị Kim E (Lê Thị L) vay số tiền 110.000.000, thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng.

Phía bị đơn xác định chỉ có nhận 92.000.000 đồng, vì nguyên đơn đã trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng. Nguyên đơn không thừa nhận đã trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng. Bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở xác định nguyên đơn đã trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng.

Nguyên đơn xác định đã nhận được số tiền lãi 03 tháng đầu với số tiền là 6.000.000 đồng. Theo quy định tại tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm. Không vượt quá 150% là 13,5%/năm, tương đương 1,12%/tháng. Như vậy, số tiền lãi (6.000.000 đồng) mà nguyên đơn đã nhận đã vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định, số tiền vượt quá là 2.304.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá được trừ vào số tiền gốc đã cho vay, do đó số tiền gốc đã cho vay còn lại là 110.000.000 - 2.304.000 đồng = 107.696.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn liên đới trả số tiền là 107.696.000 đồng.

[1.2] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi:

Khi cho vay các bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên các bên không thống nhất mức lãi suất. Do đó, áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 (Lãi suất là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày cho vay cho đến nay với mức lãi suất 1,41%/tháng là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Thời hạn tính lãi phù hợp là tính từ ngày 21/10/2016 (Vì nguyên đơn đã nhận 03 tháng đầu tiền lãi) và mức lãi suất phù hợp là 0,75%/tháng.

Phía bị đơn xác định đã trả tiền lãi với số tiền 18.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận tiền lãi 03 tháng đầu với số tiền là 6.000.000 đồng. Phía bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả số tiền lãi 18.000.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, cụ thể tiền lãi được tính từ ngày 21/10/2016 cho đến ngày xét xử (94 tháng 03 ngày), cụ thể tiền lãi được tính như sau: 107.696.000 đồng x 0,75% x 94 tháng 03 ngày = 76.006.452 đồng

Như vậy, tổng số tiền cho vay và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 183.702.452 đồng.

[2] Khi cho vay tiền, ông Trần Đình V có giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00081, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Thạch P. Vì vậy, cần buộc ông Trần Đình V trả lại cho ông Thạch P bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00081, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Thạch P.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn phải chịu án phí. Án phí được tính như sau: 183.702452 đồng x 5% = 9.185.122 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, cần miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Đình V

- Buộc ông Thạch P và bà Lê Thị Kim E (Lê Thị L) liên đới trả cho ông Trần Đình V tổng số tiền 183.702.452 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm lẽ hai ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng)

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Ông Trần Đình V trả lại cho ông Thạch P bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00081, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Thạch P.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch P và bà Lê Thị Kim E (Lê Thị L) phải liên đới chịu 9.185.122 đồng (Chín triệu một trăm tám mươi lăm ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

Miễn toàn bộ án phí cho ông Trần Đình V.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Vks huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Đạm **Nguyễn Thành Vui** **Trần Quang Minh**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Vks huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh

Nôi nhaän:
THAÅM
- *TAND tænh Bình Phöôùc;*
- *VKS huyeän Loäc Ninh;*
- *Caùc ñöông söï;*
- *THADS huyeän Loäc Ninh;*
- *Löu hoà sô.*

T.M HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh